

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 490/2023/DS-PT

Ngày: 06/9/2023

V/v tranh chấp: “Hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vân.

Các Thẩm phán: Ông Mai Hoàng Khải;
Ông Võ Ngọc Giàu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Thành- Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Hà Ngọc Thu Trúc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 8 và ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2023/TLPT-DS ngày 14 tháng 7 năm 2023 về việc tranh chấp: “Hợp đồng mua bán tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2023/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 692/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

Anh G, sinh năm 1989. (có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Ông Bùi Quang N, sinh năm 1956. (có mặt)

Địa chỉ: số 461A, tổ 23, khu 4, thị trấn C, huyện C, Tiền Giang.

(Văn bản ủy quyền ngày 01/11/2022).

*** Bị đơn:**

Chi nhánh Công ty TNHH đầu tư tập đoàn N.

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1985. (vắng mặt)

Địa chỉ: A2-5.9 Chung Cư Giai Việt 854-856 Tạ Quang B, Phường 5, Quận 8, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Anh Nguyễn Đình P, sinh năm 1984. (vắng mặt)

Địa chỉ: số 66/88D Lãn Bình T, Phường 13, Quận 11, Thành Phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 23/02/2023).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Đinh Thành T, sinh năm 1990. (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, Tiền Giang.

- Anh Tô Minh P, sinh năm 1987. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Anh Võ Đông N, sinh năm 1977. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

4. Người kháng cáo: Đại diện ủy quyền của bị đơn Nguyễn Đình P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm,

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 01/11/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Bùi Quang N là đại diện ủy quyền của nguyên đơn anh G trình bày:

Ngày 11/10/2021 anh P là kỹ thuật máy của công ty và là người quản lý Chi nhánh công ty Nguyễn G tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Theo yêu cầu của công ty, anh P đã nhận số tiền cọc 150.000.000 đồng do anh T (là người làm chung với anh G) Nguyễn G thay mặt Nguyễn G anh G giao cho anh P, đến ngày 01/12/2021 anh G làm hợp đồng mua bán bao bì với chi nhánh công ty TNHH Nguyễn G đại diện là anh N ký hợp đồng với anh G.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, giao nhận hàng và trả tiền nhiều lần, đến tháng 05/2022 công ty Nguyễn G còn nợ số tiền 243.342.000 đồng nhưng từ cuối tháng 5/2022 khi công ty ngừng hoạt động không thông báo cho anh G được biết, anh G nhiều lần liên hệ đề yêu cầu hoàn trả số tiền này nhưng phía công ty cứ hứa hẹn nhiều lần không trả.

Nay anh G yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc công ty TNHH đầu tư tập toàn Nguyễn G đại diện là anh T có nghĩa vụ hoàn trả cho anh G số tiền 243.342.000 đồng nợ và 150.000.000 đồng tiền nhận đặt cọc, tổng cộng 393.342.000 đồng, trả 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

* Tại bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Đình P đại diện ủy quyền bị đơn Chi nhánh Công ty TNHH đầu tư tập đoàn N trình bày:

Anh T là đại diện theo pháp luật của công ty Nguyễn G, anh Võ Đông N là nhân viên của công ty, được công ty giao trách nhiệm quản lý toàn bộ công ty Nguyễn G tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang, ngày 01/12/2021 anh N đại diện công ty Nguyễn G ký hợp đồng mua bán bao bì với anh G, anh P là nhân viên của công ty có nhận số tiền cọc 150.000.0000 đồng từ anh T giao dùm cho anh G, nhưng sau đó anh P đã giao toàn bộ số tiền này cho anh N.

Nhưng sau khi anh N nhận xong số tiền này anh N không có giao lại cho phía công ty do anh T đại diện, nên không có sổ sách chứng từ về việc anh N giao số tiền này cho công ty. Tuy nhiên, trong quá trình giao dịch mua bán thì phía công ty có nợ anh G số tiền 243.342.000 đồng đến nay chưa thanh toán cho anh G được do công ty gặp khó khăn về tài chính.

Nay công ty Nguyễn G chỉ đồng ý trả cho anh G số tiền 243.342.000 đồng, sau khi công ty xem xét lại tình hình tài chính của công ty. Còn đối với số tiền đặt cọc anh G đã giao cho anh N nhận thì anh N chịu trách nhiệm trả cho anh G số tiền này, chứ công ty không đồng ý trả cho anh G số tiền 150.000.000 đồng.

* Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đinh Thành T trình bày:

Anh T với anh G làm chung nên anh G có nhờ anh giao số tiền đặt cọc cho công ty Nguyễn G do anh Tô Minh P là nhân viên công ty nhận 150.000.000 đồng ngày 11/10/2021 theo giấy tay do hai bên ký nhận.

Việc anh G có ký hợp đồng mua bán bao bì với công ty Nguyễn G là đúng sự thật và có nhận đầy đủ số tiền đặt cọc. Nay anh T thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của anh G về việc yêu cầu công ty Nguyễn G có nghĩa vụ trả số tiền 243.342.000 đồng nợ và 150.000.000 đồng tiền nhận đặt cọc, tổng cộng 393.342.000 đồng, trả 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

* **Bản án dân sự sơ thẩm số:** 62/2023/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã Áp dụng Điều 430, Điều 440, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; Các Điều 227, 228, 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh G.

Buộc Chi nhánh Công ty TNHH đầu tư tập đoàn N có nghĩa vụ trả cho anh G số tiền 393.342.000 đồng (Ba trăm chín mươi ba triệu ba trăm bốn mươi hai ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 15/6/2023, đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Nguyễn Đình P có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh G đối với phần tiền đặc cọc 150.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn anh G giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Chi nhánh Công ty TNHH đầu tư tập đoàn N trả 393.342.000 đồng.

- Người kháng cáo đại diện Chi nhánh Công ty TNHH đầu tư tập đoàn N giữ nguyên kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh G đối với phần tiền đặc cọc 150.000.000 đồng.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, tại phiên tòa người kháng cáo đại diện Chi nhánh Công ty TNHH đầu tư tập đoàn N không có cung cấp thêm chứng cứ nào mới để xem xét. Tuy nhiên chủ thể có nghĩa vụ trả tiền là Công ty TNHH đầu tư tập đoàn N chứ không phải chi nhánh Công ty TNHH đầu tư tập đoàn N nhưng cấp sơ thẩm không đưa Công ty TNHH đầu tư tập đoàn N vào tham gia tố tụng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm số 62/2023/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn anh G khởi kiện yêu cầu Chi nhánh Công ty TNHH đầu tư tập đoàn N trả 393.342.000 đồng tiền nợ theo hợp đồng mua bán bao bì ngày 01/12/2021 nên án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp “Hợp đồng mua bán” là có căn cứ đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn anh G với bị đơn Chi nhánh Công ty TNHH đầu tư tập đoàn N là đúng thẩm quyền quy định tại các Điều 35, 39 BLTTDS.

[3] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của đại diện Chi nhánh Công ty TNHH đầu tư tập đoàn N là đúng quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của Chi nhánh Công ty TNHH đầu tư tập đoàn N Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy:

- Tại khoản 1 Điều 44 Luật Doanh nghiệp quy định: “1. Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của doanh nghiệp, bao gồm cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh phải đúng với ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp”.

- Theo nội dung vụ án cho thấy Chi nhánh Công ty TNHH đầu tư tập đoàn N là đơn vị phụ thuộc của Công ty TNHH đầu tư tập đoàn N không có tư cách pháp nhân nên không phải là chủ thể tham gia tố tụng. Ngoài ra cấp sơ thẩm cũng chưa thu thập chứng cứ làm rõ nội dung ủy quyền của Công ty cho chi nhánh và

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH đầu tư tập đoàn N để biết ai là người đại diện theo pháp luật để đưa vào tham gia tố tụng cho chính xác.

- Việc ông Võ Đông N đại diện chi nhánh Công ty TNHH đầu tư tập đoàn N giao kết hợp đồng kinh doanh mua bán bao bì với anh G là không phù hợp quy định pháp luật vì theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh thì ông Nguyễn Thành T mới là người được công ty giao làm trưởng chi nhánh. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm cũng như đơn kháng cáo người đại diện của ông Nguyễn Thành T đã chấp nhận trả số nợ phát sinh từ hợp đồng này nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông G là phù hợp pháp luật nhưng việc tuyên buộc Chi nhánh Công ty TNHH đầu tư tập đoàn N trả nợ là không đảm bảo tính khả thi vì chi nhánh này không có tư cách pháp nhân lẽ ra phải tuyên buộc Công ty TNHH đầu tư tập đoàn N phải trả số nợ này mới chính xác. Vì việc xác lập giao dịch của chi nhánh làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của công ty nên việc không đưa Công ty TNHH đầu tư tập đoàn N vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng tố tụng. Tại giai đoạn phúc thẩm, tòa án đã yêu cầu Công ty TNHH đầu tư tập đoàn N cử người tham gia tố tụng nhưng phía Công ty không đồng ý nên cấp phúc thẩm không thể sửa án tuyên buộc Công ty TNHH đầu tư tập đoàn N trả nợ do đó cần phải hủy bản án giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm xét xử lại để đảm bảo 02 cấp xét xử.

- Do bản án bị hủy nên chưa xem xét nội dung kháng cáo.

[5] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Chi nhánh Công ty TNHH đầu tư tập đoàn N không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 62/2023/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang. Giao hồ sơ vụ án cho tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Chi nhánh Công ty TNHH đầu tư tập đoàn N không phải chịu án phí phúc thẩm. Chi nhánh Công ty TNHH đầu tư tập đoàn N được hoàn lại 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0012677 ngày 29/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Vân